

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AN NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2025/DS-ST

Ngày: 12-6-2025

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Phương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Anh Dũng

2. Bà Châu Thị Lệ

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Nguyệt Hồng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Liêm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 và 12 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 165/2024/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1034/2025/QĐXX-DS ngày 08 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 1156/2025/QĐST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1970; số CCCD:052170021508; Nơi cư trú: Số nhà B, đường Đ, thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định, có tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt khi tuyên án.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Lê Văn K, sinh năm 1969; số CCCD: 052069005802; Nơi cư trú: Tổ dân phố H, A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (theo Hợp đồng ủy quyền số công chứng: 5806, quyền số 11/2024 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11/12/2024 tại Văn phòng C), có tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt khi tuyên án.

- Ông Phan Lâm S, sinh năm 1990; số CCCD: 052090022107; Nơi cư trú: tổ D, khu A, thị trấn N, huyện P, tỉnh Bình Định (theo Hợp đồng ủy quyền số công chứng: 1200, quyền số 03/2025 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 31/3/2025 tại Văn phòng C), có

mặt.

2- *Bị đơn*: Chị Trương Thị N, sinh năm 1984; số CCCD: 052184013219; Nơi cư trú: thôn C, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Văn H, sinh năm 1986; số CCCD: 052086003127; Nơi thường trú: Tổ G, khu phố A, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định; địa chỉ: số F, đường Đ, phường H, thành phố Q, tỉnh Bình Định. (theo Hợp đồng ủy quyền số công chứng: 6120, quyền số 12/2024 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/12/2024 tại Văn phòng C), có mặt.

3- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Anh Bùi Như Ý, sinh năm 1979; số CCCD: 052079033093; Nơi cư trú: thôn C, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định, vắng mặt.

3.2. Ông Huỳnh Văn P, sinh năm 1968; số CCCD: 052068015194; Nơi cư trú: Số nhà B, đường Đ, thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Lâm S, sinh năm 1990; số CCCD: 052090022107; Nơi cư trú: tổ D, khu A, thị trấn N, huyện P, tỉnh Bình Định (theo Hợp đồng ủy quyền số công chứng: 1201, quyền số 03/2025 ngày 31/3/2025 của Văn phòng C), có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đỗ Thị T trình bày*: bà là dì ruột của chị Trương Thị N. Anh Bùi Như Ý là chồng của chị N.

Bắt đầu từ năm 2021, chị N nói cần tiền để vợ chồng N kinh doanh bất động sản, mở quán cà phê và chi phí gia đình, nên hỏi bà vay tiền. Vì dì cháu, bà tin tưởng nên cho chị N vay tiền nhiều lần. Vay có thỏa thuận lãi suất, mức lãi suất dao động từ 1% đến 2.5%/tháng. Vay không xác định thời hạn, thống nhất khi nào chị N có tiền thì trả hoặc khi bà cần lấy lại tiền vay thì chị N phải trả cho bà. Các lần vay do chị N trực tiếp giao dịch với bà, có lần bà đưa tiền mặt, có lần bà chuyển khoản qua ngân hàng của chị N. Sau khi nhận tiền, chị N ghi vào sổ theo dõi của bà, khi chị N trả khoản vay nào thì bà gạch bỏ khoản vay đó.

Chị N có thực hiện trả lãi cho bà nhưng trả không đầy đủ, có tháng N nói khó khăn nên xin tiền lãi. Việc trả lãi có khi chị N đưa bằng tiền mặt, có khi chị N chuyển khoản qua ngân hàng.

Ngày 10/5/2023 A (nhằm ngày 27/6/2023), bà và chị N xác nhận tổng số tiền chị N nợ bà qua nhiều lần vay là 3.800.000.000(ba tỉ tám trăm triệu) đồng. Chị N hứa trong thời hạn một tháng sẽ trả dứt điểm số tiền nợ nhưng chị N không trả. Bà nhiều lần đến nhà chị N đòi nợ thì trong năm 2024 chị N trả cho bà số tiền là 85.000.000đồng

(trả nhiều lần, thời gian cụ thể không nhớ). Khi trả tiền chị N không xác định trả gốc hay lãi, tuy nhiên bà đồng ý tính trừ vào tiền gốc. Bà xác định số tiền vay chị N còn nợ là 3.715.000.000đồng.

Bà yêu cầu vợ chồng Trương Thị N - Bùi Như Ý có trách nhiệm trả cho vợ chồng bà (Đỗ Thị T, Huỳnh Văn P) một lần số tiền vay gốc 3.715.000.000đồng (ba tỷ, bảy trăm mười lăm triệu đồng) và tiền lãi trên số tiền vay từ ngày 27/6/2023 cho đến khi Tòa giải quyết xong vụ án với mức lãi suất 20%/năm.

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phan Lâm S trình bày tại phiên tòa: Bà T và chị N xác lập quan hệ vay tiền từ ngày 12/01/2022. Chị Trương Thị N vay tiền của bà T để sử dụng, kinh doanh vào mục đích gia đình nên yêu cầu Tòa buộc anh Bùi Như Ý phải có trách nhiệm liên đới cùng chị Trương Thị N trả cho vợ chồng bà Đỗ Thị T một lần số tiền vay gốc 3.715.000.000đồng (ba tỷ, bảy trăm mười lăm triệu đồng) và tiền lãi trên số tiền vay gốc từ ngày 10/5/2023 cho đến khi Tòa giải quyết xong vụ án, thay đổi mức lãi suất là 10%/năm. Yêu cầu Tòa tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản đối với quyền sử dụng thửa đất số 1314, tờ bản đồ số 9; thửa đất 1315, tờ bản đồ số 9; thửa đất 1316, tờ bản đồ số 9; thửa đất 1363, tờ bản đồ số 4 cùng tọa lạc tại thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định và quyền sở hữu tài sản tọa lạc trên đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Bùi Như Ý.

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Văn K trình bày: Thống nhất lời trình bày và ý kiến của ông Phan Lâm S.

- Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Hồ Văn H trình bày: Thống nhất số tiền vay gốc chị Trương Thị N còn nợ bà T là 3.715.000.000đ (ba tỷ bảy trăm mười lăm triệu đồng). Xác định đây là khoản nợ riêng của chị Trương Thị N, xin trả dần số tiền nợ mỗi tháng 10.000.000đ. Đối với tiền lãi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, nếu được xin bà T không tính lãi.

- Theo bản tự khai ngày 25/02/2025 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Bùi Như Ý trình bày: Việc vay mượn tiền giữa bà Đỗ Thị T và vợ Trương Thị N thì anh không biết và cũng không kí bất kì giấy tờ vay mượn nào cho bà T. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn P – đại diện theo ủy quyền ông Phan Lâm S trình bày: Ông Huỳnh Văn P là chồng bà Đỗ Thị T. Ông P thống nhất theo lời trình bày và ý kiến của phía nguyên đơn.

Tại phiên tòa,

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu chị N, anh Ý trả một lần số tiền vay gốc 3.715.000.000đ và tiền lãi tính từ tháng 9/2023 đến ngày xét xử với mức lãi suất 10%/năm.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về số tiền vay gốc và thời gian bắt đầu tính lãi, tuy nhiên đề nghị tính với mức lãi suất 6%/năm, xin trả dần số nợ mỗi tháng 10.000.000đ. Xác định số tiền vay là của cá nhân chị Trương Thị N, không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về yêu cầu anh Bùi Như Ý cùng có nghĩa vụ liên đới trả nợ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đối với vụ án từ giai đoạn thụ lý, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị T. Buộc chị Trương Thị N trả cho bà Đỗ Thị T, ông Huỳnh Văn P một lần số tiền vay gốc 3.715.000.000đồng (ba tỉ bảy trăm mười lăm triệu đồng) và tiền lãi theo quy định pháp luật. Không chấp nhận yêu cầu của chị Trương Thị N xin trả dần số tiền nợ. Án phí buộc chị Trương Thị N phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Đỗ Thị T khởi kiện yêu cầu bị đơn chị Trương Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Bùi Như Ý có nghĩa vụ trả tiền vay nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự. Bị đơn chị Trương Thị N đang cư trú tại thị xã A, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, ông Phan Lâm S yêu cầu thay đổi Kiểm sát viên tham gia phiên tòa với lý do Kiểm sát viên là chồng của Chánh án Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, người đang bị ông Phan Lâm S khiếu nại. Xét, Kiểm sát viên không thuộc một trong những trường hợp phải từ chối hoặc thay đổi người tiến hành tố tụng và cũng không có căn cứ rõ ràng cho rằng Kiểm sát viên có thể không vô tư trong khi làm nhiệm vụ được quy định tại Điều 52 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, căn cứ vào các Điều 60, 62 và Điều 240 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu thay đổi Kiểm sát viên tham gia phiên tòa của ông Phan Lâm S.

[3] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không làm đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục áp

dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ, tài sản yêu cầu phong tỏa là: quyền sử dụng thửa đất số 1314, tờ bản đồ số 9; thửa đất 1315, tờ bản đồ số 9; thửa đất 1316, tờ bản đồ số 9; thửa đất 1363, tờ bản đồ số 4 cùng tọa lạc tại thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định và quyền sở hữu tài sản tọa lạc trên đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Bùi Như Ý. Xét, trong quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn đã có đơn đề nghị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nhưng không được Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn chấp nhận. Tại phiên tòa, phía nguyên đơn không có chứng cứ nào khác chứng minh cho yêu cầu này là có căn cứ. Do đó, căn cứ Điều 112, 235 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm d khoản 2 Điều 10 Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐTP ngày 24/9/2020 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

[4] Về sự vắng mặt của đương sự: Anh Bùi Như Ý đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Ý.

[5] Tại đơn khởi kiện, bà Đỗ Thị T yêu cầu vợ chồng chị Trương Thị N, anh Bùi Như Ý trả cho bà số tiền 4.872.360.000đ, trong đó tiền gốc 3.800.000.000đ và tiền lãi 1.072.360.000đ. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, phía nguyên đơn thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu vợ chồng Trương Thị N - Bùi Như Ý có trách nhiệm trả cho vợ chồng bà T một lần số tiền vay 3.715.000.000đồng và tiền lãi trên số tiền vay từ tháng 9/2023 cho đến khi Tòa giải quyết xong vụ án với mức lãi suất 10%/năm. Theo khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thừa nhận còn nợ bà Đỗ Thị T số tiền vay gốc là 3.715.000.000đồng nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh được quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do chị Trương Thị N vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà Đỗ Thị T khởi kiện yêu cầu chị N trả số tiền vay còn nợ 3.715.000.000đồng là có căn cứ, được chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm liên đới: Bà Đỗ Thị T xác định các giao dịch vay trả đều do chị N trực tiếp giao dịch với bà. Chị Trương Thị N xác định đây là giao dịch cá nhân. Anh Bùi Như Ý xác định không biết giao dịch vay tiền giữa chị Trương Thị N và bà Đỗ Thị T.

[8] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phan Lâm S cung cấp các

hình ảnh chụp từ tài khoản Facebook “Ngan Truong” và cho rằng thời điểm ngày 01/01/2020, ngày 25/11/2021 chị Trương Thị N không có tiền, đến năm 2024 chị N xây dựng quán cà phê và quán nhậu; anh Bùi Như Ý không có nghề nghiệp, nguồn thu nhập của gia đình dựa vào kinh doanh quán cà phê và quán nhậu. Từ đó, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã suy luận chị N dùng tiền vay của bà T để mở quán kinh doanh dùng vào mục đích gia đình nên đây là nợ chung của chị N và anh Ý. Xét, các tài liệu, chứng cứ ông Phan Lâm S cung cấp không thỏa mãn các thuộc tính của chứng cứ được quy định tại Điều 93, 94, 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên không có giá trị chứng minh. Suy luận của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không có cơ sở chấp nhận.

[9] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phan Lâm S còn cho rằng quá trình vay tiền chị N có đưa cho bà T 04 bản photo GCNQSDĐ đứng tên Bùi Như Ý để làm tin nên anh Bùi Như Ý biết và đồng ý để chị N vay tiền. Xét, 04 bản photo GCNQSDĐ phía nguyên đơn không cung cấp trong hồ sơ khởi kiện mà cung cấp để chứng minh cho đề nghị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Hơn nữa, 04 GCNQSDĐ chỉ là bản photo, không thỏa mãn các thuộc tính của chứng cứ được quy định tại Điều 93, 94, 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự và quyền sử dụng các thửa đất này cũng không phải là tài sản bảo đảm cho khoản vay. Do đó, suy luận của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không có cơ sở chấp nhận.

[10] Xét, 04 Giấy theo dõi nợ mà nguyên đơn cung cấp chỉ ghi các nội dung “Ngân mượn...”. Nguyên đơn không chứng minh được anh Bùi Như Ý tham gia vào giao dịch vay tiền và cũng không chứng minh được chị Trương Thị N vay tiền nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do đó, nguyên đơn yêu cầu anh Ý chịu trách nhiệm liên đới cùng chị N trả nợ là không có căn cứ chấp nhận.

[11] Về yêu cầu tính lãi: 04 Giấy theo dõi nợ mà nguyên đơn cung cấp và các bản photo tin nhắn mà bị đơn cung cấp chỉ thể hiện chị N có trả lãi, không thể hiện mức lãi suất vay. Bà Đỗ Thị T xác định đây là hợp đồng vay có lãi, tuy nhiên mức lãi suất không cố định, dao động từ 1% đến 2.5%/tháng. Tại phiên tòa, các đương sự thống nhất xác định thời điểm tính lãi bắt đầu từ tháng 9/2023, nhưng có tranh chấp về mức lãi suất. Căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 mức lãi suất chị N phải trả được xác định là 10%/năm. Tiền lãi chị N phải trả tính từ ngày 01/9/2023 đến ngày xét xử 12/6/2025 (650 ngày) là: $3.715.000.000 \text{đồng} \times 10\% \times 650/365 = 661.575.342 \text{đồng}$.

[12] Như vậy, tổng số tiền chị Trương Thị N phải trả là: $3.715.000.000 \text{đồng} + 661.575.342 \text{đồng} = 4.376.575.342 \text{đồng}$.

[13] Theo khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn... trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”. Bị đơn yêu cầu được trả dần số tiền nợ 10.000.000đồng/tháng. Yêu cầu của bị đơn không được nguyên đơn đồng ý nên không có cơ sở chấp nhận.

[14] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí về tranh chấp dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 112.376.575đồng. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[15] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 5, 52, 60, 62, 91, 92, 93, 94, 95, 96, 147, 227, 228, 235, 240, 244, 264, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468, khoản 2 Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Áp dụng Điều 112 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm d khoản 2 Điều 10 Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐTP ngày 24/9/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về các biện pháp khẩn cấp tạm thời của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị T. Buộc chị Trương Thị N có trách nhiệm trả cho bà Đỗ Thị T, ông Huỳnh Văn P số tiền 4.376.575.342 (bốn tỷ, ba trăm bảy mươi sáu triệu, năm trăm bảy mươi lăm nghìn, ba trăm bốn mươi hai) đồng, trong đó tiền vay gốc 3.715.000.000(ba tỷ, bảy trăm mười lăm triệu) đồng và tiền lãi 661.575.342(sáu trăm sáu mươi một triệu, năm trăm bảy mươi lăm nghìn, ba trăm bốn mươi hai) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2/ Không chấp nhận yêu cầu của bà Đỗ Thị T về việc buộc anh Bùi Như Ý chịu trách nhiệm liên đới trả nợ.

3/ Không chấp nhận yêu cầu của chị Trương Thị N xin trả dần số tiền nợ mỗi tháng 10.000.000(mười triệu) đồng.

4/ Án phí dân sự sơ thẩm:

4.1/ Chị Trương Thị N phải chịu là 112.376.575 (một trăm mười hai triệu, ba trăm bảy mươi sáu nghìn, năm trăm bảy mươi lăm) đồng.

4.2/ Hoàn trả cho bà Đỗ Thị T số tiền 56.436.000(năm mươi sáu triệu bốn trăm ba mươi sáu nghìn) đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005723 ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã An Nhơn.

5/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa hoặc đã tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Bùi Như Ý vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND thị xã An Nhơn;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thị xã An Nhơn;
- Lưu HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ái Phượng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Anh Dũng

Châu Thị Lệ

Nguyễn Thị Ái Phương